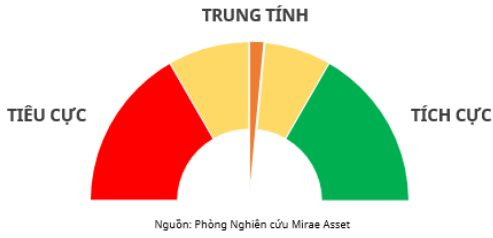


Thang đo sức mạnh thị trường



05 Tháng Hai 2021

# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,126.91	6.65	-0.50	21.71
HNX	223.84	4.50	7.55	116.92
UPCOM	73.89	2.51	-0.73	33.83
MSCI EM	1,387.61	4.37	5.12	27.37
NIKKEI	28,779.19	4.03	5.97	23.41
HANG SENG	29,300.03	3.59	5.97	9.38
KOSPI	3,120.63	4.85	4.35	44.10
FTSE	6,503.72	1.50	-1.64	-13.08
S&P 500	3,871.74	2.23	3.89	16.10
NASDAQ	13,777.74	3.30	7.48	44.90

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.29	2.36	13.73
SET INDEX	26.42	1.66	5.65
JCI INDEX	30.27	1.66	4.41
PCOMP INDEX	27.94	1.74	6.50

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.07	-5	-13	-103
10 năm	2.22	-7	-14	-83

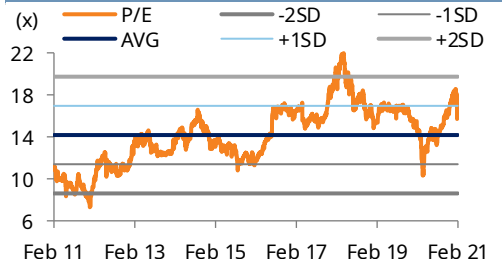
### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,004	0.20	0.33	0.95
US\$/KRW	1,124	-0.45	-3.22	6.02
US\$/JPY	105	-0.74	-2.60	4.14
US\$/EUR	0.84	1.35	2.69	-8.16
US\$/GBP	0.73	0.07	-0.49	-5.06
US\$/SGD	1.34	-0.66	-1.51	3.25

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	461	643	272
HNX	60	88	32
UPCOM	24	37	16

### Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



### Nhận định thị trường

#### Liên tục hồi phục VN-Index tăng hơn 70 điểm trong tuần

Khởi đầu tuần với phiên giảm điểm VN-Index trở lại ngưỡng 1.035 khiến NĐT tỏ ra lo ngại về rủi ro tiếp tục giảm điểm của thị trường, tuy nhiên VN-Index đã có phiên tăng gần 40 điểm sau đó vào ngày thứ 3 (02/02) giúp tâm lý NĐT cải thiện. Chỉ số tiếp tục tăng điểm trong cả 3 phiên tiếp theo, vượt ngưỡng 1.100 điểm và chốt tuần tại 1.128,91, tăng 70,3 điểm (+6,65%).

Nhóm cổ phiếu bluechip trở lại dẫn dắt đà tăng cho VN-Index trong tuần, trong đó VIC hỗ trợ lớn nhất đến chỉ số khi giúp chỉ số tăng 7,32 điểm. Nhóm cổ phiếu ngân hàng đóng góp 4/10 mã tác động mạnh nhất đến VN-Index, dẫn đầu là VCB khi giúp VN-Index tăng 6,93 điểm, VPB là cổ phiếu tăng mạnh nhất trong top 10 với mức tăng 23,33% trong tuần và giúp VN-Index tăng 4,59 điểm. Chiều giảm điểm trong tuần không có cổ phiếu đáng chú ý khi duy nhất MWG là bluechip có trong danh sách này, cổ phiếu này cũng chỉ giảm 1,66% ảnh hưởng -0,27 lên VN-Index.

Khối ngoại có tuần mua ròng mạnh nhất từ đầu năm với giá trị mua ròng trên HSX hơn 2.000 tỷ đồng. Đáng chú ý khi chứng chỉ quỹ VN-Diamond (FUEVFNVD) được khối này mua ròng gần 1.000 tỷ đồng trong tuần. VNM xếp thứ 2 trong danh sách mua ròng với giá trị hơn 500 tỷ đồng, tiếp đến là các bluechip như VHM (420 tỷ đồng), MSN (410 tỷ đồng) và HPG (409 tỷ đồng). Chiều bán ròng POW là cổ phiếu dẫn đầu danh sách bán ròng với giá trị 151 tỷ đồng.

Sau khi chạm ngưỡng 1.035 cũng là ngưỡng MA 20 tuần, VN-Index đã hồi phục ấn tượng trong tuần. Diễn biến thể hiện thị trường đang cân bằng trở lại sau nhịp giảm mạnh. Trong ngắn hạn chúng tôi lưu ý kháng cự quan trọng của VN-Index là ngưỡng MA 20 ngày tại 1.130. Với chu kỳ thanh toán T+2 chúng tôi lưu ý khả năng những nhà đầu tư ngại việc nắm giữ cổ phiếu trong kỳ nghỉ dài sẽ hạn chế việc mua vào. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức 0 (**TRUNG TÍNH**)

**Phạm Bình Phương**, Analyst, 84-8-39102222, [Phuong.pb@miraeeasset.com.vn](mailto:Phuong.pb@miraeeasset.com.vn)

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	3	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Bản tin tuần

### Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** Phiên đấu thầu KBNN gần như thất bại khi chỉ có 80 tỷ đồng t rái phiếu kỳ hạn 20 năm được chào bán thành công tại mức lợi suất 2,89%. Các kỳ hạn 10 năm, 15 năm đã thất bại hoàn toàn.
- Ngày 06/02 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 6.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 20 năm có giá trị 500 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

### Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 03/02/21, do hiệu ứng cận kỳ nghỉ Tết dài ngày, lãi suất đã tăng mạnh tại hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ kỳ hạn 6 tháng. Cụ thể kỳ hạn O/N, 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng lãi suất đã tăng lên các mức lần lượt 2,52% (+241bps), 2,47% (+226bps), 2,65% (+245bps), 2,39% (+164bps) và 3,31% (+166bps). Trong khi đó lãi suất kỳ hạn 6 tháng đã giảm 32bps về mức 3,03%.
- **Tỷ giá VND/USD tham chiếu 05/02/21** của NHNN trong tuần đã giảm 0,026% về mức 23.154 VND/USD. Tỷ giá NHTM trong năm đã giảm 0,13% về mức 22.900 – 23.110 VND/USD. Diễn biến tại thị trường tự do đã tăng lần lượt 0,128% tại chiều mua và 0,17% tại chiều bán lên mức 23.550 – 23.600 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

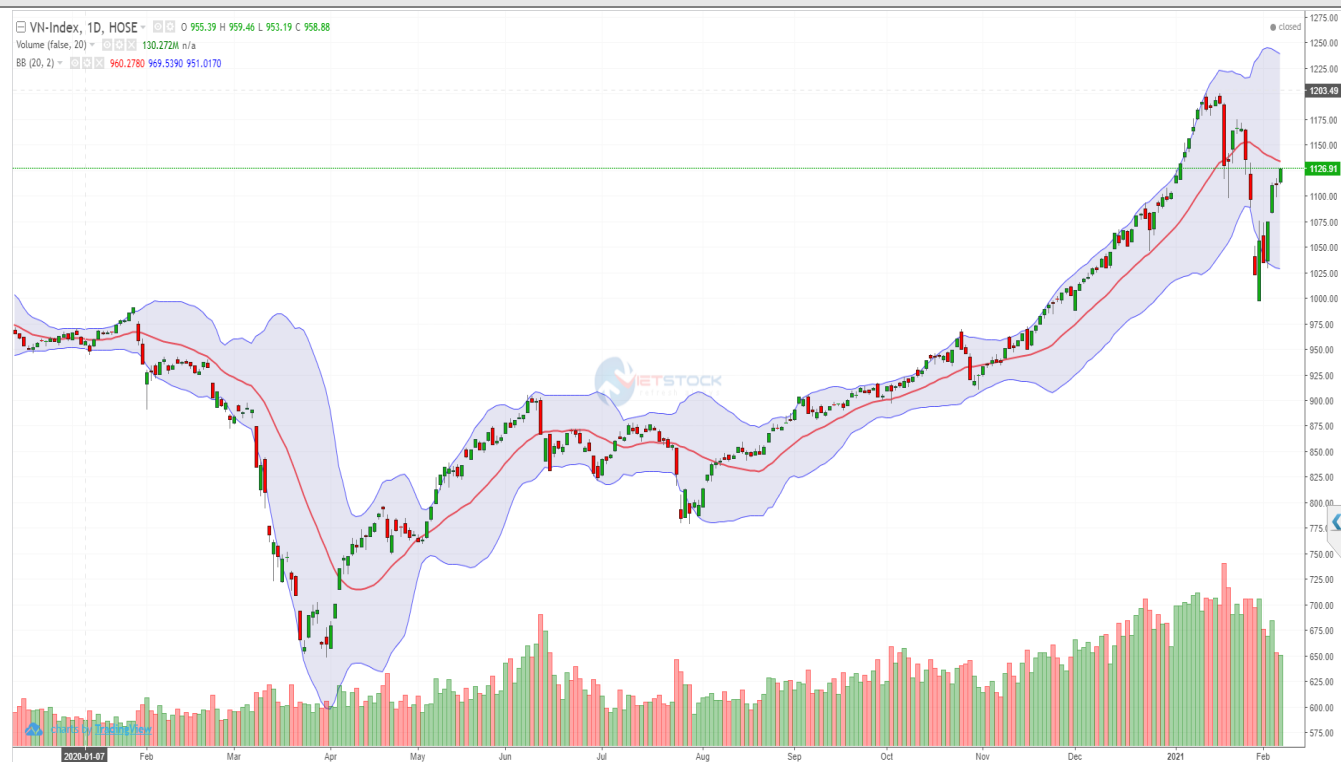
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (05/02/2021)	1.126,61 (+6,65% WoW)	Kháng cự 1 <b>1.130</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 <b>1.175</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 <b>1.100</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 <b>1.056</b>

Sau khi chạm ngưỡng 1.035 cũng là ngưỡng MA 20 tuần, VN-Index đã hồi phục ấn tượng trong tuần. Diễn biến thể hiện thị trường đang cân bằng trở lại sau nhịp giảm mạnh. Trong ngắn hạn chúng tôi lưu ý kháng cự quan trọng của VN-Index là ngưỡng MA 20 ngày tại 1.130. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức 0 (**TRUNG TÍNH**).

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

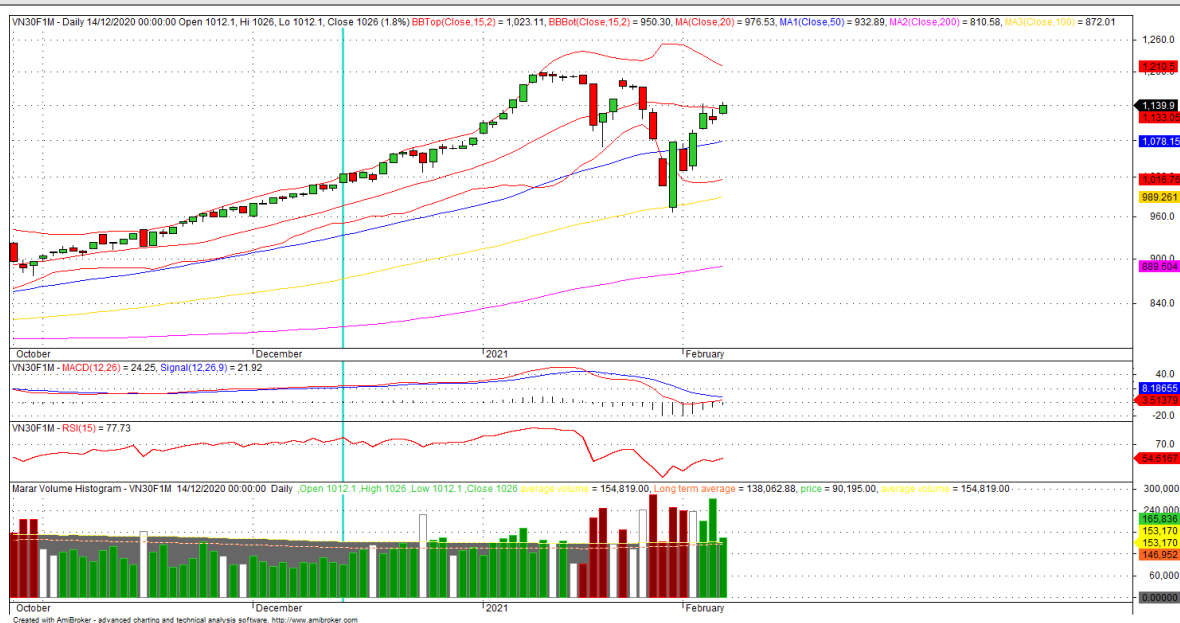
## Nhận định phái sinh

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	7	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

- Với việc thị trường sắp được nghỉ kỳ nghỉ dài trong giai đoạn sắp tới sẽ ẩn chứa nhiều rủi ro cho nhà đầu tư. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư không nên mở vị thế mới trong giai đoạn này.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
<b>+ Short</b>	n/a	<b>+ Long</b>	n/a
<b>+ Stop loss (Cắt lỗ)</b>	n/a	<b>+ Stop loss (Cắt lỗ)</b>	n/a
<b>+ Take profit (Chốt lời)</b>	n/a	<b>+ Take profit (Chốt lời)</b>	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiiipro

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	13.25	3,214,520	-2	TRUNG TÍNH	2,938	9.4	0.8
ACB	28.5	8,370,740	0	TRUNG TÍNH	61,604	8.0	1.7
ACV	74.9	296,125	0	TRUNG TÍNH	163,054	21.7	4.4
AGR	11	2,418,525	-2	TRUNG TÍNH	2,323	24.1	1.1
AMD	2.99	5,652,255	-4	TIÊU CỰC	489	25.0	0.3
AMV	11.2	1,047,775	-2	TRUNG TÍNH	595	7.6	0.8
ANV	19.65	505,145	-2	TRUNG TÍNH	2,498	12.4	1.1
APG	8.79	1,542,470	-2	TRUNG TÍNH	299	11.5	0.7
APS	6.8	1,412,675	-2	TRUNG TÍNH	265	4.4	0.7
ART	4.9	7,002,890	-4	TIÊU CỰC	475	#N/A N/A	0.4
ASM	16	5,025,345	-4	TIÊU CỰC	4,142	8.3	0.9
BCC	8.5	996,330	0	TRUNG TÍNH	1,047	6.9	0.5
BCG	13.4	1,415,105	0	TRUNG TÍNH	2,734	9.1	1.4
BCM	58.7	203,295	1	TRUNG TÍNH	60,755	34.0	3.9
BID	41.8	1,986,130	-2	TRUNG TÍNH	168,120	23.6	2.2
BII	6.9	1,998,400	-2	TRUNG TÍNH	398	#N/A N/A	0.9
BMI	26.2	639,325	-2	TRUNG TÍNH	2,393	14.0	1.1
BMP	60.8	320,230	2	TRUNG TÍNH	4,977	9.5	2.0
BSI	13.8	1,603,580	0	TRUNG TÍNH	1,678	14.3	1.1
BSR	11	9,545,655	0	TRUNG TÍNH	34,105	12.2	1.0
BVH	60	1,004,590	0	TRUNG TÍNH	44,539	28.8	2.2
BVS	20.2	1,280,700	0	TRUNG TÍNH	1,458	12.7	0.8
BWE	28.3	657,490	0	TRUNG TÍNH	5,306	10.0	1.5
CEO	9.6	4,488,460	-2	TRUNG TÍNH	2,470	#N/A N/A	0.8
CII	20.9	2,654,250	-4	TIÊU CỰC	4,992	17.6	1.0
CMX	15	541,355	-2	TRUNG TÍNH	456	8.5	1.2
CSV	28.6	362,475	-2	TRUNG TÍNH	1,264	7.0	1.3
CTD	71.4	1,209,470	-4	TIÊU CỰC	5,304	12.4	0.6
CTG	35.8	10,053,615	0	TRUNG TÍNH	133,298	9.7	1.6
CTI	14.7	670,195	0	TRUNG TÍNH	806	9.8	0.7
CTR	84.3	675,665	0	TRUNG TÍNH	6,051	32.8	6.7
CTS	14.55	1,038,735	0	TRUNG TÍNH	1,548	12.1	1.1
D2D	54.5	354,380	0	TRUNG TÍNH	1,649	6.2	1.7
DBC	51.9	2,953,105	-2	TRUNG TÍNH	5,437	3.8	1.3
DCL	26.5	428,525	-4	TIÊU CỰC	1,506	22.7	1.7
DCM	12.9	3,540,595	-2	TRUNG TÍNH	6,829	12.5	1.1
DGC	54.1	855,785	0	TRUNG TÍNH	8,048	9.4	2.1
DGW	82.9	386,860	5	KHẢ QUAN	3,565	14.0	3.1
DHC	68	416,705	5	KHẢ QUAN	3,808	9.9	2.7
DIG	29.6	4,547,250	-2	TRUNG TÍNH	9,322	14.2	1.9
DLG	1.57	11,560,380	-4	TIÊU CỰC	470	#N/A N/A	0.2
DPG	26.5	552,130	0	TRUNG TÍNH	1,153	6.0	1.1
DPM	16.3	2,633,010	-2	TRUNG TÍNH	6,379	9.8	0.8
DRC	27.5	2,238,350	0	TRUNG TÍNH	3,267	12.7	1.9
DRH	9.75	1,594,650	-2	TRUNG TÍNH	588	14.5	0.7
DVN	16.8	534,060	-2	TRUNG TÍNH	3,982	20.4	1.5
DXG	22.5	11,250,840	5	KHẢ QUAN	11,661	#N/A N/A	1.9
E1VFN30	19.49	1,004,970	1	TRUNG TÍNH	9,020	#N/A Field N/A	#N/A Field N/A
EIB	17.8	963,900	-2	TRUNG TÍNH	22,007	20.6	1.3
EVG	9.41	1,144,825	0	TRUNG TÍNH	988	34.2	0.9
FCN	11.65	3,167,785	-2	TRUNG TÍNH	1,461	12.2	0.7
FIT	12.2	5,579,070	-4	TIÊU CỰC	3,108	55.2	1.0

FLC	6.52	30,357,744	-2	TRUNG TÍNH	4,629	169.5	0.5
FMC	30.6	276,900	-2	TRUNG TÍNH	1,801	7.4	1.5
FPT	72.9	2,764,965	5	KHẢ QUAN	57,147	17.7	3.6
FRT	27	1,799,775	-2	TRUNG TÍNH	2,133	37.6	1.8
FTS	16.35	865,755	-2	TRUNG TÍNH	2,163	12.7	1.0
G36	12.3	1,307,415	-2	TRUNG TÍNH	1,188	36.0	1.2
GAS	81.2	1,027,225	0	TRUNG TÍNH	155,413	17.1	3.3
GEG	17.7	1,035,925	0	TRUNG TÍNH	4,800	18.5	1.6
GEX	20.95	7,232,915	-2	TRUNG TÍNH	10,097	12.6	1.5
GIL	53.9	623,775	7	KHẢ QUAN	1,940	4.9	1.6
GKM	18.8	527,255	0	TRUNG TÍNH	280	23.2	1.6
GMD	31	3,915,190	-2	TRUNG TÍNH	9,343	27.4	1.6
GTN	23.8	2,547,795	-2	TRUNG TÍNH	5,926	58.2	2.3
GVR	25.7	6,057,950	-4	TIÊU CỰC	102,800	24.0	2.2
HAG	4.56	15,327,890	-4	TIÊU CỰC	4,229	#N/A N/A	0.7
HAH	17.8	1,142,490	0	TRUNG TÍNH	844	6.5	0.8
HAI	3	4,878,895	-4	TIÊU CỰC	548	67.6	0.3
HAX	19	460,260	-4	TIÊU CỰC	698	5.6	1.5
HBC	16.15	9,023,405	-4	TIÊU CỰC	3,729	50.1	1.1
HCM	28	6,022,780	0	TRUNG TÍNH	8,541	16.1	1.9
HDB	24.1	4,600,895	-2	TRUNG TÍNH	38,410	9.0	1.7
HDC	39.9	1,079,875	-2	TRUNG TÍNH	2,628	11.5	2.3
HDG	40.3	1,921,180	-2	TRUNG TÍNH	6,217	6.4	2.0
HHS	5.75	5,829,255	-2	TRUNG TÍNH	1,580	5.4	0.4
HII	23.3	557,365	7	KHẢ QUAN	746	17.3	1.6
HNG	11.1	8,824,680	-2	TRUNG TÍNH	12,305	572.7	1.4
HPG	42.5	25,551,216	0	TRUNG TÍNH	140,815	10.5	2.4
HPX	37.55	594,070	0	TRUNG TÍNH	9,932	36.2	3.1
HQC	2.25	22,131,840	-4	TIÊU CỰC	1,072	111.7	0.2
HSG	24	9,449,265	-2	TRUNG TÍNH	10,663	7.1	1.5
HT1	17.05	917,465	0	TRUNG TÍNH	6,505	10.6	1.2
HUT	4.4	11,237,360	-4	TIÊU CỰC	1,182	#N/A N/A	0.4
HVN	26.5	1,235,355	-2	TRUNG TÍNH	37,585	#N/A N/A	5.9
IDC	41.2	5,115,840	0	TRUNG TÍNH	12,360	41.0	3.4
IDI	5.71	2,551,235	-2	TRUNG TÍNH	1,300	13.6	0.5
IDJ	15.1	1,041,240	-4	TIÊU CỰC	659	7.3	1.5
IJC	24.55	2,131,435	-2	TRUNG TÍNH	5,330	9.6	1.6
ITA	6.02	17,024,230	-4	TIÊU CỰC	5,649	32.5	0.5
KBC	40	10,584,045	-2	TRUNG TÍNH	18,790	110.1	2.0
KDC	40	1,134,395	-2	TRUNG TÍNH	9,150	40.1	1.6
KDH	32.75	1,537,320	-4	TIÊU CỰC	18,301	16.0	2.3
KLF	2.4	8,680,805	-4	TIÊU CỰC	397	180.3	0.2
KOS	24.6	435,765	4	KHẢ QUAN	4,098	141.1	3.1
KSB	29	1,363,350	0	TRUNG TÍNH	1,932	6.9	1.2
LCG	14	4,881,645	0	TRUNG TÍNH	1,619	5.2	1.0
LDG	7.1	8,792,645	-4	TIÊU CỰC	1,700	142.0	0.5
LHG	33.2	365,300	-2	TRUNG TÍNH	1,660	8.3	1.3
LPB	14	12,311,435	0	TRUNG TÍNH	15,045	8.1	1.1

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Chứng khoán châu Á tăng sau phiên Phố Wall lập đỉnh

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không gồm Nhật Bản tăng 0,37%.

Thị trường Trung Quốc tăng với Shanghai Composite tăng 0,36%, Shenzhen Component tăng 0,159%. Hang Seng của Hong Kong tăng 0,81%.

Cổ phiếu công ty công nghệ Trung Quốc Kuaishou Technology tăng gần 200% trong phiên giao dịch đầu tiên sau khi niêm yết trên sàn Hong Kong trước khi đảo chiều, còn tăng khoảng 170%.

Tại Nhật Bản, Nikkei 225 tăng 1,04%, Topix tăng 0,92%.

Chỉ số Kospi của Hàn Quốc tăng 0,21%.

ASX 200 của Australia tăng 0,84%.

### OPEC+ lạc quan về triển vọng phục hồi kinh tế và dầu thô

Trong tuyên bố đưa ra sau cuộc họp hàng tháng của Ủy ban Giám sát chung cấp Bộ trưởng OPEC+ dưới hình thức trực tuyến, các thành viên liên minh dầu mỏ này đã thể hiện sự "lạc quan" về sự phục hồi của thị trường trong năm 2021.

OPEC+ cho rằng quá trình tiêm chủng vaccine ngừa dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 đang từng bước được triển khai trên toàn thế giới sẽ là nhân tố tích cực trong năm nay, thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu và nhu cầu dầu mỏ.

Kể từ đầu tháng 11/2020, niềm tin đã trở lại trên thị trường dầu mỏ khi giá "vàng đen" dần phục hồi và hiện được giao dịch quanh ngưỡng 60 USD/thùng, tương đương mức giá của giai đoạn đầu năm ngoái. Giá dầu đã được hỗ trợ sau khi các thành viên OPEC+ nhất trí cắt giảm sản lượng để đối phó với nhu cầu sụt giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Theo kế hoạch, OPEC+ tiếp tục cắt giảm 7,125 triệu thùng/ngày trong tháng 2 này và 7,05 triệu thùng/ngày trong tháng 3 tới. Bên cạnh đó, Arab Saudi đã cam kết cắt giảm tự nguyện thêm 1 triệu thùng/ngày từ tháng 2-3/2021 để duy trì sự cân bằng trên thị trường.

Giới phân tích dầu mỏ dự báo OPEC+ có thể đưa ra nhiều quyết sách quan trọng trong cuộc họp cấp bộ trưởng tiếp theo vào ngày 4/3.

### Pyn Elite Fund tăng mạnh tỷ trọng Vinhomes và chứng chỉ quỹ VFMVN Diamond ETF trong tháng 1

Pyn Elite Fund vừa công bố báo cáo hoạt động tháng 1 với nhiều điểm đáng chú ý. Trong tháng 1, hiệu suất danh mục quỹ âm 5,39%, "tệ" hơn đôi chút so với mức giảm 4,28% của chỉ số VN-Index.

Trong tháng đầu năm, TTCK Việt Nam đã có biến động mạnh dù có thời điểm đã chạm đỉnh 1.200 điểm. Hoạt động chốt lời gia tăng trên thị trường trong bối cảnh margin đang ở mức rất cao và sự trở lại của dịch Covid-19 tại một số tỉnh miền Bắc. Các cổ phiếu như VEA, CTG, POW đã ảnh hưởng tiêu cực tới danh mục quỹ, trong khi NLG, VHM, và VNDiamond ETF đã hỗ trợ tích cực.

Tính tới cuối tháng 1/2021, quy mô danh mục Pyn Elite Fund đạt 572 triệu Euro (~686 triệu USD). Trong đó, VHM đã vươn lên trở thành cổ phiếu lớn nhất danh mục quỹ với tỷ trọng 9,82%. Trong khi vào cuối năm 2020, VHM chỉ chiếm tỷ trọng 6,55% trong danh mục Pyn Elite Fund. Như vậy trong tháng qua, Pyn Elite Fund đã mua thêm lượng đáng kể cổ phiếu VHM.

VEA đã lui xuống vị trí số 2 trong danh mục Pyn Elite Fund với tỷ trọng 9,37%, tiếp theo lần lượt là CTG (9,25%), TPB (8,98%), HDB (8,38%)...

### Lạc quan về khả năng tăng trưởng tín dụng năm 2021

Lường trước dịch bệnh sẽ còn diễn biến phức tạp, song năm nay, hàng loạt ngân hàng vẫn đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng cao hơn năm ngoái. Trao đổi với phóng viên Báo Đầu tư, Phó tổng giám đốc một ngân hàng thương mại cho hay, ngân hàng này chưa được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) "chốt" hạn mức tín dụng, song ước tính năm 2021, tín dụng sẽ tăng khoảng 15-17%, nếu cộng cả đầu tư trái phiếu doanh nghiệp thì sẽ tăng trên 20%.

Kết quả điều tra khảo sát do NHNN vừa thực hiện cho thấy, ngoại trừ nhóm ngân hàng TMCP lớn, các ngân hàng TMCP còn lại đều nâng mức dự báo về tăng trưởng tín dụng của đơn vị mình trong năm 2021. Theo ước tính của các tổ chức tín dụng, tín dụng quý I/2021 sẽ tăng 3,6% và tín dụng cả năm 2021 tăng 13%. Động lực tăng trưởng tín dụng được các ngân hàng lựa chọn là: bán buôn bán lẻ, xuất nhập khẩu, phục vụ nhu cầu đời sống, xây dựng...

Mặc dù Covid-19 đang có dấu hiệu phức tạp trở lại, song nhiều chuyên gia cho rằng, do đã có kinh nghiệm phòng chống dịch, Việt Nam vẫn sẽ khoanh vùng, kiểm soát dịch bệnh tốt. Do đó, nhiều khả năng kinh tế năm 2021 sẽ tăng trưởng tốt hơn năm 2020, kéo theo cầu tín dụng tăng trở lại.

#### **Bánh Bào Ngọc (BNA): Năm 2020 LNST đạt 34 tỷ đồng, cao gấp 3 lần năm trước**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bánh Bào Ngọc (mã CK: BNA) đã công bố BCTC quý 4/2020 và lũy kế cả năm 2020.

Theo đó, riêng quý 4/2020, BNA đạt doanh thu thuần gần 233 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 200% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán cũng tăng cao nên lợi nhuận gộp đạt hơn 26 tỷ đồng tăng 62,5% so với cùng kỳ 2019. Sau khi trừ các khoản chi phí, BNA báo lãi hơn 11 tỷ đồng, gấp 6,6 lần cùng kỳ.

Lũy kế cả năm 2020, BNA đạt doanh thu thuần gần 597 tỷ đồng, gấp 2,4 lần năm trước, LNST đạt 33,5 tỷ đồng, tăng 188% so với năm trước. Đây cũng là mức lãi ròng cao nhất mà BNA đạt được kể từ năm 2017, tương ứng EPS 2020 đạt 4.192 đồng. Bánh Bào Ngọc lên kế hoạch kinh doanh năm 2021 với doanh thu hợp nhất 598 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 26 tỷ đồng theo đó kết thúc năm 2021 BNA gần hoàn thành mục tiêu về doanh thu và vượt 28% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

#### **FIT Group: 2021 là năm gặt hái thành quả của quá trình tái cấu trúc**

Năm 2020 FIT Group và các Công ty con đều làm ăn có lãi

Dịch Covid -19 trong năm 2020 đã làm nhiều doanh nghiệp khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, nhưng FIT Group và các Công ty con đều làm ăn có lãi.

Cụ thể, doanh thu năm 2020 của Tập đoàn ước đạt trên 1,178 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế đạt trên 107 tỷ đồng.

Năm 2018 đến năm 2020 là giai đoạn tái cấu trúc toàn Tập đoàn. Năm 2021 được đánh giá là năm sẽ gặt hái thành quả từ quá trình tái cấu trúc. Cho nên doanh thu kế hoạch năm 2021 của Toàn Tập đoàn là 1.500 tỷ, tăng 27% so với 2020; lợi nhuận trước thuế kế hoạch đạt 271 tỷ, tăng 140% so với 2020. Sự tăng trưởng vượt bậc này phần lớn đến từ DCL, Westfood, Vikoda và FIT Bất động sản.

Với mô hình hiện tại, giá trị sổ sách (Book Value –BV) của FIT Group tại 31/12/2020 là 15.886 VNĐ/cổ phiếu; FIT Group đang làm việc với công ty kiểm toán hàng đầu để định giá giá trị cổ phiếu, và sẽ công bố công khai thông tin này trong nửa đầu tháng 2 sau khi có kết quả.

#### **KBC ước lãi trên 1.000 tỷ đồng từ các hợp đồng cho thuê Khu công nghiệp, năm 2021 sẽ đưa vào khai thác dự án Trảng Cát Hải Phòng**

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (HSX: KBC) vừa công bố thành lập Công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Hưng Yên để đầu tư quản thể Công nghiệp – Đô thị lớn tại Hưng Yên. Công ty này đặt tại địa chỉ 537 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Lê Lợi, Thành Phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên Việt Nam với vốn điều lệ 1.800 tỷ đồng.

Trong đó, công ty mẹ - Tổng công ty phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP góp 1.080 tỷ đồng tương ứng 60% vốn cổ phần; Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn Hải Phòng góp 180 tỷ đồng tương ứng 10% vốn cổ phần.

Tiếp tục triển khai các hợp đồng đã ký kết trong năm 2020 và đầu 2021, theo các hợp đồng đã ký, KBC ước tính đạt 3.000 tỷ đồng doanh thu hợp nhất và lợi nhuận ước đạt trên 1000 tỷ đồng. Kết quả này chủ yếu từ các KCN Nam Sơn Hạ Lĩnh, KCN Quang Châu và Khu đô thị Phúc Ninh và Khu đô thị Trảng Duệ.

Về tình hình triển khai dự án trọng điểm trong năm 2021, dự án Trảng Cát do KBC sở hữu 100% là dự án trọng điểm của KBC trong năm 2021, có diện tích 584,9ha và đã đền bù giải phóng mặt bằng 582ha. Hiện nay, KBC đã hoàn thành nộp hết tiền sử dụng đất cho Khu đô thị Trảng Cát và chính quyền Thành Phố Hải Phòng đã vừa bàn giao hiện trạng đất trên thực địa cho Công ty để làm các thủ tục triển khai, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án để đưa vào vận hành khai thác kinh doanh. Theo KBC, đây là đại đô thị lớn ở Hải phòng sẽ đóng góp lớn cho sự phát triển của Hải Phòng và đem lại lợi ích lớn cho cổ đông trong nhiều năm tới.

#### **KCN Hiệp Phước (HPI): Báo cáo tự lập năm 2020 báo lãi 215 tỷ đồng**

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (UpCOM: HPI) đã công bố BCTC quý 4/2020 và lũy kế cả năm 2020.

Theo đó, riêng quý 4 doanh thu thuần đạt 159 tỷ đồng tăng 11% so với cùng kỳ, tuy nhiên giá vốn cũng tăng cao nên lợi nhuận gộp quay đầu giảm nhẹ đạt gần 70 tỷ đồng. Sau khi trừ các khoản chi



phí và không phát sinh chi phí thuế như năm ngoái HPI lãi sau thuế gần 84 tỷ đồng tăng 6,3% so với quý 4/2019.

Lũy kế cả năm 2020, doanh thu thuần đạt gần 485 tỷ đồng, giảm 23,6% so với cùng kỳ, LNST đạt 214,6 tỷ đồng, khả quan hơn rất nhiều khoản lỗ lớn của năm ngoái.

### **FE Credit lãi 3.713 tỷ đồng trong năm 2020, tỷ lệ nợ xấu tăng lên 6,6%**

Theo báo cáo kết quả hoạt động mới công bố của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank - Mã: VPB), lãi trước thuế cả năm của FE Credit đạt 3.713 tỷ đồng, giảm 16,3% so với năm trước và đóng góp 28,5% vào lợi nhuận trước thuế hợp nhất.

Trong năm vừa qua, doanh số giải ngân của FE Credit đạt 63.000 tỷ đồng, giảm khoảng 14%.

Tổng thu nhập hoạt động của công ty đạt 17.317 tỷ đồng 0,6%. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) trung bình ở mức 27,2%, giảm hơn 4 điểm % so với năm 2019.

Tính đến ngày 31/12/2020, tổng dư nợ tín dụng tăng 8,9% lên mức 66.000 tỷ đồng. Trong đó, chiếm 37% là dư nợ tín dụng của các khách hàng mới.

### **ThaiBev chính thức IPO mảng bia, liệu có phải bước đệm bán Sabeco như đồn đoán?**

Theo Bloomberg, tập đoàn ThaiBev chính thức xác nhận việc lên kế hoạch niêm yết mảng bia trên Sàn giao dịch chứng khoán Singapore. Nếu thành công, đây có thể là thương vụ IPO lớn nhất trong vòng 1 thập kỷ qua ở Đảo quốc sư tử.

Cụ thể, nhà sản xuất bia Chang đã tuyên bố vào đầu ngày hôm nay rằng họ đã nhận được thư chấp nhận từ Sở giao dịch chứng khoán Singapore liên quan tới đề xuất trước đó của công ty về việc đưa mảng kinh doanh bia lên sàn này.

ThaiBev dự định bán 20% lượng cổ phiếu phổ thông của BeerCo với kỳ vọng thu về 2 tỷ USD. Đại diện phía ThaiBev chưa xác nhận về thông tin này.

Nếu như vậy, đây sẽ trở thành thương vụ IPO lớn nhất trên sàn Singapore kể từ khi Hutchison Port Holdings Trust huy động được 5,5 tỷ USD vào năm 2011.

Theo nguồn tin của Bloomberg, năm ngoái, ThaiBev đã có ý định niêm yết mảng bia nhưng sau đó vì dịch Covid-19 mà kế hoạch này bị tạm hoãn. Nguyên do là bởi việc các nhà hàng, quán ăn đóng cửa khiến mảng bia kinh doanh gặp khó khăn. Kế hoạch IPO dự kiến sẽ giúp mảng bia của ThaiBev được định giá 10 tỷ USD.

### **Liệu có phải bước đệm bán Sabeco?**

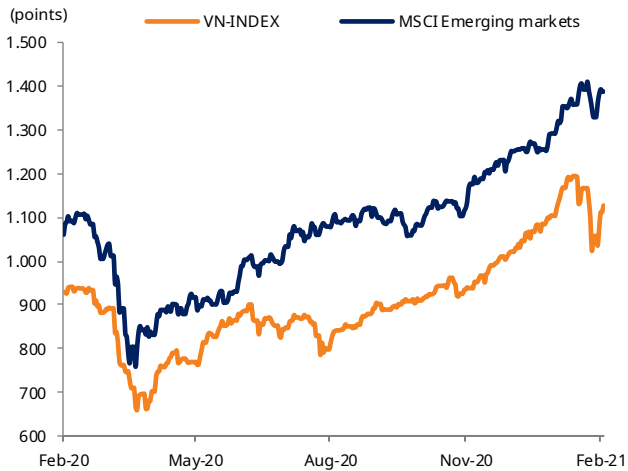
Trước đó khi thông tin ThaiBev IPO mảng bia mới chỉ ở mức đồn đoán. Từ Financial Times đã có nhận định rằng đây thực tế chỉ là bước đệm để hỗ trợ cho việc tìm người mua lại Sabeco - khối tài sản ở Việt Nam của họ. Theo phân tích của tờ báo này, nếu IPO thành công mảng bia có thể được định giá ở mức cao hơn mức chung của cả tập đoàn.

Euan McLeish – một chuyên gia tại Bernstein nói rằng vì ThaiBev không cần tới vốn ngay lúc này nên thương vụ IPO có thể là bước đi chiến lược nhằm lôi kéo Bud APAC mua lại Sabeco – thương hiệu đang chiếm 55% thị phần bia tại Việt Nam.

Ngay sau khi bài báo của FinancialTimes xuất hiện, ThaiBev đã lên tiếng phủ nhận thông tin bán Sabeco và thậm chí còn khẳng định rằng "quá trình đánh giá tiềm năng của việc niêm yết mảng bia mới ở giai đoạn đầu và không có gì chắc chắn sẽ được thực hiện".

Tuy nhiên hiện tại, thông tin về việc IPO đã được chính phía ThaiBev xác nhận làm nhiều người phải đặt câu hỏi liệu khả năng theo phân tích của Financial Times có đúng hay không?

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



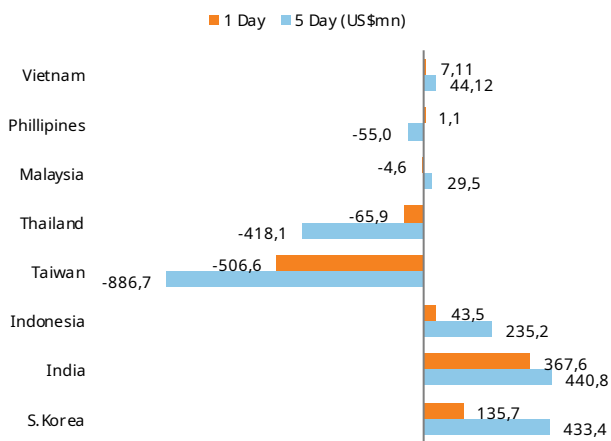
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



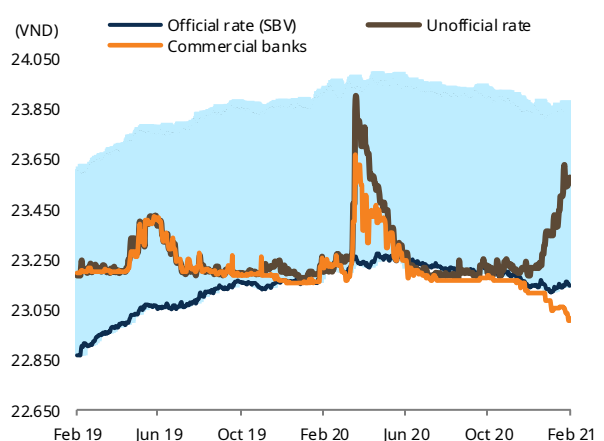
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



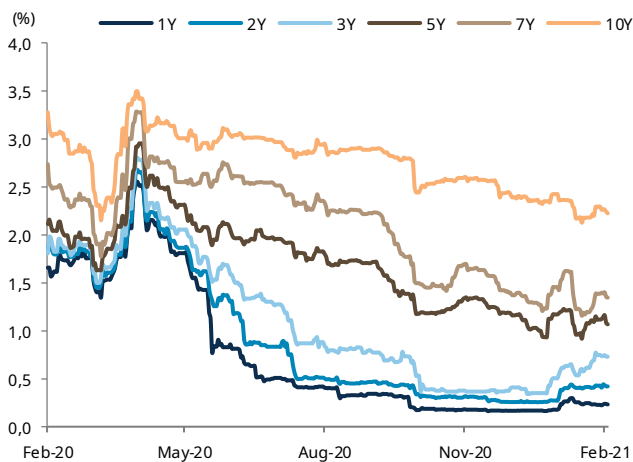
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



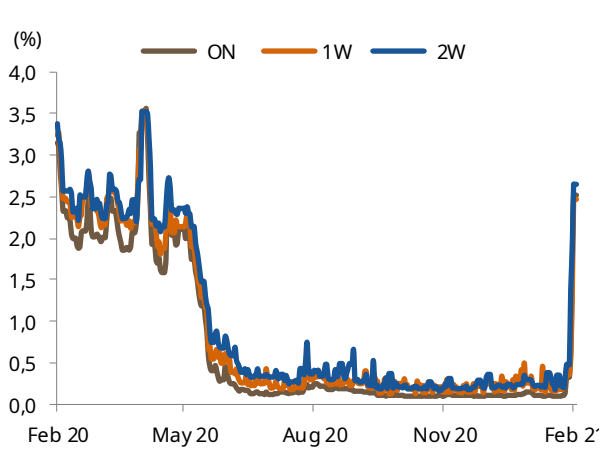
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,135.50</b>	<b>2,939,916</b>		<b>1.6</b>	<b>8.3</b>	<b>2.8</b>	<b>34.3</b>	<b>14.7</b>	<b>13.1</b>	<b>2.2</b>	<b>1.8</b>	<b>11.7</b>	<b>18.0</b>	<b>18.1</b>	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41,800	168,120	17.3	0.7	4.8	-12.7	-21.9	18.0	12.0	1.9	1.7	50.9	12.2	15.4	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	60,000	44,539	28.0	3.3	6.2	-9.1	5.6	28.6	24.9	2.1	2.0	14.6	8.1	8.6	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	35,800	133,298	28.7	3.2	17.4	1.1	34.8	10.0	7.9	1.4	1.2	25.9	14.8	15.8	
CTCP FPT	FPT VN	72,900	57,147	49.0	0.6	16.3	16.3	61.2	14.7	12.1	3.1	2.9	21.3	25.4	27.1	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	81,200	155,413	2.9	0.2	6.4	-9.8	-0.5	19.5	16.0	3.2	3.1	22.4	16.9	22.5	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	24,100	38,410	17.5	2.3	8.1	-2.6	40.0	7.2	6.2	1.3	1.1	15.3	19.0	18.5	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	42,500	140,815	31.1	1.7	8.6	0.4	108.6	9.6	8.6	2.1	1.7	12.2	22.2	21.5	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	32,750	18,301	37.7	0.2	2.7	11.4	38.9	14.9	9.7	2.1	1.8	53.7	15.1	20.1	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	24,750	69,269	23.0	2.9	5.5	-0.7	35.8	7.2	6.1	1.2	1.0	18.5	18.7	19.0	
Tập đoàn Masan	MSN VN	89,600	105,252	32.4	0.1	4.8	0.3	79.2	39.8	26.1	3.1	2.9	52.6	9.7	14.2	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	130,500	60,829	49.0	1.6	-1.7	7.1	20.8	12.0	9.5	3.0	2.5	26.5	28.3	29.0	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	80,200	85,329	7.1	-1.6	0.0	24.8	50.2	19.9	16.9	2.6	2.2	17.8	13.5	13.7	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	60,400	23,929	1.0	2.4	8.2	17.5	179.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	52,200	63,622	15.5	1.8	6.5	-5.3	1.4	19.3	16.5	2.5	2.5	17.1	15.3	16.4	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	83,900	19,076	49.0	1.2	1.0	3.2	1.5	15.8	12.5	3.3	2.6	26.6	23.0	23.8	
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,700	29,742	8.5	0.8	6.7	-10.6	32.7	13.5	12.0	0.9	0.9	12.3	7.5	8.0	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	53,500	16,534	49.0	0.0	4.9	6.6	60.7	9.8	8.7	1.3	1.2	13.2	14.0	13.7	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	20,500	12,652	8.1	6.8	13.9	-4.0	15.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	31,500	18,869	45.0	6.1	9.4	-6.7	115.6	16.2	14.3	NA	NA	13.0	11.6	12.0	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	18,300	33,007	9.9	4.0	8.3	3.4	78.5	15.6	11.1	1.1	1.0	40.5	8.4	9.9	
NHTMCP Ký Thương Việt Nam	TCB VN	36,300	127,228	22.5	3.7	13.4	9.8	66.9	9.7	8.4	1.5	1.3	15.1	16.4	16.2	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,550	7,966	6.1	0.9	2.7	12.5	-46.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	26,700	27,545	30.0	0.8	7.0	-3.8	54.6	7.6	6.4	1.4	1.2	18.7	19.9	19.7	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	100,000	370,888	23.7	1.1	7.5	0.7	12.5	18.9	14.7	3.2	2.7	28.4	19.3	20.7	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	99,300	326,649	22.3	0.9	6.2	3.9	15.5	10.4	8.8	2.9	2.2	17.9	30.7	28.4	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	107,500	363,611	14.1	2.4	8.1	-2.0	-6.1	44.1	31.1	3.4	3.1	42.1	8.5	11.0	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	131,100	68,675	18.9	0.4	4.2	5.0	3.2	44.5	20.9	4.2	3.6	112.4	14.1	18.3	
CTCP Sửa Việt Nam	VNM VN	109,600	229,059	57.8	0.7	6.6	-1.1	23.4	20.1	18.6	6.9	6.0	8.1	38.7	37.5	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	37,000	90,826	23.4	1.1	23.3	7.7	53.2	8.5	7.6	1.5	1.2	11.3	18.5	17.2	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,700	74,305	31.4	0.3	2.0	-1.8	13.0	23.7	18.0	2.4	2.2	31.9	10.6	12.3	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

\*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
<b>VN-Index</b>	<b>70.30</b>	<b>4,153,448</b>	<b>1.3</b>	<b>6.7</b>	<b>-0.5</b>	<b>21.7</b>	<b>17.3</b>	<b>14.7</b>	<b>2.4</b>	<b>2.23</b>	<b>17.6</b>	<b>13.7</b>	<b>16.8</b>
Ô tô và phụ tùng	0.07	7,882	1.7	3.4	9.8	32.6	6.0	5.1	1.1	1.0	25.6	11.5	-1.9
Ngân hàng	28.73	1,215,215	1.9	10.0	-0.3	22.4	13.6	10.5	2.0	1.7	20.2	17.0	17.6
Xây dựng cơ bản	0.88	162,966	0.4	2.3	1.9	59.0	6.5	5.0	1.4	0.4	NA	7.0	6.1
Dịch vụ thương mại	0.02	4,563	0.6	2.1	-5.5	5.3	6.3	5.7	NA	NA	-29.9	12.5	12.7
May mặc và trang sức	0.08	35,094	1.3	1.2	11.0	69.8	11.9	9.8	2.2	1.8	-7.2	17.6	16.2
Dịch vụ tiêu dùng	0.10	8,336	1.5	2.9	13.4	-0.3	10.3	5.8	NA	NA	NA	5.1	8.4
Dịch vụ tài chính	1.14	61,985	3.4	7.8	-8.4	87.1	8.8	4.4	NA	NA	34.9	8.8	3.7
Năng lượng	1.36	80,316	1.7	6.8	-2.0	10.2	20.8	15.9	2.1	2.1	-63.8	13.0	14.1
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	9.27	554,468	0.6	6.8	-3.8	30.9	22.1	18.1	4.6	4.0	-14.9	23.4	23.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	850	2.7	0.3	-14.1	13.6	NA	NA	NA	NA	-39.3	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.17	9,701	4.2	7.3	3.1	2.9	7.2	7.0	NA	NA	50.8	10.7	15.8
Bảo hiểm	0.71	51,090	3.0	5.6	-9.5	4.5	25.5	22.2	1.9	1.8	28.6	7.5	8.0
Nguyên vật liệu	5.20	338,439	1.2	6.2	-4.8	67.4	12.9	12.2	1.1	0.8	62.3	14.6	13.8
Giải trí và truyền thông	-0.02	1,248	0.8	-5.7	-14.0	6.4	12.2	9.4	1.0	0.9	-61.6	8.5	10.2
Dược phẩm	-0.12	33,470	0.0	-1.3	-3.7	13.1	3.4	2.8	0.6	0.5	11.6	12.9	13.2
Bất động sản	15.45	1,064,228	1.5	5.9	6.8	21.2	8.6	8.2	1.5	1.4	-18.6	9.6	9.4
Bán lẻ	-0.24	68,973	1.5	-1.3	6.1	26.0	44.8	35.0	2.5	2.2	-2.6	15.8	15.6
Phần mềm và dịch vụ	2.17	61,014	0.5	15.5	14.5	58.4	11.2	8.8	2.8	2.3	10.2	25.4	26.2
Thiết bị và phần cứng	0.16	3,565	7.0	19.8	0.0	246.9	13.8	11.4	2.9	2.7	48.6	23.8	25.4
Dịch vụ viễn thông	-0.06	1,058	-3.1	-16.4	90.4	180.4	11.4	9.6	2.6	2.1	24.2	18.5	15.6
Vận tải	1.52	165,398	0.7	3.6	0.2	16.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	3.18	240,910	0.2	5.3	-8.4	5.5	68.1	88.7	9.1	8.5	-3.1	-3.1	5.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

\*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

### Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	107,500	8.15	1,351,080	7.32
VCB VN	100,000	7.53	1,138,680	6.93
CTG VN	35,800	17.38	9,613,580	5.27
VHM VN	99,300	6.20	2,700,340	5.09
VPB VN	37,000	23.33	6,745,880	4.59
TCB VN	36,300	13.44	15,076,780	4.02
VNM VN	109,600	6.61	2,694,040	3.79
SAB VN	181,900	12.49	243,600	3.46
HPG VN	42,500	8.56	26,065,740	2.96
GAS VN	81,200	6.42	813,740	2.50

Nguồn: Bloomberg

#### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
MWG VN	130,500	-1.66	1,757,040	-0.27
FIT VN	12,200	-14.08	5,246,580	-0.14
SZC VN	37,900	-9.76	1,697,580	-0.11
TCM VN	75,900	-7.44	475,180	-0.10
ITA VN	6,020	-6.23	12,694,780	-0.10
ROS VN	3,920	-12.50	27,021,320	-0.08
PPC VN	25,600	-3.21	361,080	-0.07
ASMVN	16,000	-6.16	4,398,360	-0.07
HAG VN	4,560	-5.59	8,772,380	-0.07
SGT VN	14,300	-16.37	95,520	-0.06

#### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.